TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÀU BÀNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/HSST
Ngày 06-3-2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Thành Công.

Bà Nguyễn Thị Kiều My.

- Thư ký phiên tòa: Ông Kiều Vĩnh Phong, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Lê Đình Thìn - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 02/2019/TLST-HS ngày 23 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2019/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 02 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Q, sinh năm 1999 tại Nghệ An; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: xóm C, xã , huyện E, tỉnh Nghệ An; tạm trú: ấp F, xã G, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Công T và bà Nguyễn Thị S; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 06 tháng 12 năm 2018 đến ngày 04 tháng 02 năm 2019; có mặt.

- *Bị hại*: Ông Phan Văn T, sinh năm 1964; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Tây Ninh; nơi đăng ký tạm trú: ấp F, xã G, huyện B, tỉnh Bình Dương, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Q sinh sống tạm trú tại ấp F, xã G, huyện B, tỉnh Bình Dương. Thời gian sinh sống tại đây, Q nhiều lần đến mua đồ tại cửa hàng tạp hóa S do ông Phan Văn T làm chủ. Q để ý thấy ông T để tiền trong túi màu đen dạng túi đeo trước bụng (thường gọi là giỏ bao tử đeo ngang bụng), lợi dụng lúc ông T sơ hở nên Q đã thực hiện hành vi trộm cắp. Cụ thể như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 03 tháng 12 năm 2018, Q đi bộ từ nhà trọ V thuộc ấp F, xã G, huyện B, tỉnh Bình Dương đến cửa hàng tạp hóa S để mua đồ. Q quan sát thấy chiếc túi đen ông T hay dùng đựng tiền để trong giỏ nhựa nên Q nảy sinh ý định trộm cắp tiền của ông T. Để thực hiện ý định trộm cắp tài sản, Q hỏi mua tã lót để tiến gần đến vị trí để túi đựng tiền. Lợi dụng lúc ông T đang bán hàng cho khách ở phía bên ngoài nên Q lấy túi đeo màu đen, kéo mở khóa và lấy số tiền 32.400.000 đồng rồi nhét vào lưng quần trước bụng thì bị ông T phát hiện hành vi trộm cắp tài sản của Q nên ông T giữ Q lại và trình báo công an xã G.

Vật chứng thu giữ gồm: số tiền 32.400.000 đồng (40 tờ mệnh giá 500.000 đồng; 50 tờ mệnh giá 200.000 đồng; 24 tờ mệnh giá 100.000 đồng).

Qua quá trình điều tra, Q còn khai nhận vào khoảng 11 giờ ngày 02 tháng 9 năm 2018, Q đã lấy trộm của ông T số tiền 10.000.000 đồng. Đối với số tiền 10.000.000 đồng, Q đã tự nguyện nộp lại cho Cơ quan điều tra để giao trả lại cho ông T.

Tại bản Cáo trạng số: 03/CT -VKSBB ngày 23 tháng 01 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Nguyễn Thị Q về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội danh như cáo trạng đã truy tố và xác định:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo phạm tội hai lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho bị hại; sau khi phạm tội có thái độ thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Q mức hình phạt từ 12 tháng tù đến 14 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: bị cáo đã bồi thường số tiền 10.000.000 đồng cho bị hại Phan Văn T.

Về xử lý vật chứng: ngày 06 tháng 12 năm 2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương ra Quyết định xử lý vật chứng: trả cho bị hại Phan Văn T số tiền 42.400.000 đồng; 01 túi đeo màu đen; đối với 01 (một) thẻ nhớ 02Gb, màu đen, loại thẻ nhớ Micro SDI là chứng cứ của vụ án nên đề nghị tiếp tục lưu giữ tại hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa: bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố. Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi Hội đồng xét xử nghị án: bị cáo nhận thức được hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng đã truy tố. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan Cảnh sát điều tra, lời khai của bị hại. Do vậy, đã có đủ cơ sở xác định:

Khoảng 15 giờ ngày 03 tháng 12 năm 2018, lợi dụng sơ hở trong quản lý tài sản của bị hại, bị cáo đã lén lút chiếm đoạt tài sản 32.400.000 đồng của bị hại Phan Văn T.

Ngày 02 tháng 9 năm 2018, lợi dụng sơ hở trong quản lý tài sản của bị hại, bị cáo đã lén lút chiếm đoạt tài sản 10.000.000 đồng của bị hại Phan Văn T.

Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Xét hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt trái phép tài sản

của người khác là vi phạm pháp luật hình sự và sẽ bị xử lý nhưng vì động cơ tham lam, tư lợi, lười lao động và muốn có tiền tiêu xài nhanh chóng nên đã cố ý phạm tội. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét toàn diện nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo có một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội hai lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho bị hại; sau khi phạm tội có thái độ thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[6] Đối với yêu cầu xin hưởng án treo của bị cáo: Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu của bị cáo thuộc những trường hợp không cho hưởng án treo do bị cáo phạm tội nhiều lần được quy định tại khoản 5 Điều 3 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu xin hưởng án treo của bị cáo.

[7] Mức hình phạt theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà đối với bị cáo về hành vi "Trộm cắp tài sản" là cao nên Hội đồng xét xử sẽ xử dưới mức mà Kiểm sát viên đề nghị.

[8] Về xử lý vật chứng: ngày 06 tháng 12 năm 2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương ra Quyết định xử lý vật chứng: trả cho bị hại Phan Văn T số tiền 42.400.000 đồng; 01 túi đeo màu đen là phù hợp quy định của pháp luật; đối với 01 (một) thẻ nhớ 02Gb, màu đen, loại thẻ nhớ Micro SDI là chứng cứ của vụ án nên tiếp tục lưu giữ tại hồ sơ vụ án.

[9] Về trách nhiệm dân sự: bị cáo đã bồi thường số tiền 10.000.000 đồng cho bị hại và bị hại đã nhận lại toàn bộ tài sản bị mất nên bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường và không yêu cầu nào khác đối với bị cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm: bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 173; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Q phạm tội "Trộm cắp tài sản". Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Q 10 (mười) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Nguyễn Thị Q phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tòa tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục THADS huyện Bàu Bàng;
- Công an huyện Bàu Bàng;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Minh Thảo